Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI
Ký ngày: 13/3/2020 15:27:32

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 37

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Nhựa Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24 tháng 1 năm 1972 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0103027615 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 10 năm 2008. Công ty cũng được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi mới nhất là lần thứ 5 số 0100100858 ngày 16 tháng 9 năm 2019.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại sàn UPCOM từ ngày 8 tháng 9 năm 2017 theo Quyết định số 748/QĐ-SGDHN do Phó Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ký ngày 31 tháng 8 năm 2017. Vào ngày 12 tháng 12 năm 2019, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán NHH theo QĐ số 499/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghệ khác.

Công ty có trụ sở chính tại tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Minh Hải	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2019
	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2019
Ông Phạm Quốc Trung	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2019
Ông Bùi Thanh Nam	Thành viên	
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên	
Ông Mẫn Chí Trung	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đỗ Thị Tuyến	Trưởng ban	
Ông Trần Hoa Tùng	Thành viên	
Bà Nguyễn Bảo Linh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2019
Bà Chử Thị Khuê	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2019

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Thanh Nam	Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mẫn Chí Trung	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Bùi Thanh Nam, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 24 tháng 2 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Tổng Giám đốc
Bùi Thanh Nam

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61441290/21174398

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty") được lập ngày 5 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ NỘI

Lê Thị Tuyết Mai	Nguyễn Thu Hằng
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1	Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3342-2020-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**437.269.704.529**	**406.464.898.729**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***13.941.748.243***	***19.872.892.196***
111	1. Tiền		6.391.748.243	19.872.892.196
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.550.000.000	-
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***	***6***	***46.500.000.000***	***20.000.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		46.500.000.000	20.000.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***287.629.280.095***	***289.593.271.231***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	179.708.909.229	146.910.660.486
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	7.776.584.660	5.825.406.983
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	84.803.643.835	135.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	15.340.142.371	1.857.203.762
140	***IV. Hàng tồn kho***	***10***	***80.864.102.389***	***71.075.859.850***
141	1. Hàng tồn kho		81.758.094.465	71.564.859.850
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(893.992.076)	(489.000.000)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***8.334.573.802***	***5.922.875.452***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	853.258.193	919.010.162
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.464.199.578	4.986.225.360
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		17.116.031	17.639.930
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**535.270.101.272**	**122.518.676.780**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***127.063.582.119***	-
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	127.063.582.119	-
220	***II. Tài sản cố định***		***149.834.542.048***	***76.389.702.651***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	143.219.593.637	72.582.655.045
222	Nguyên giá		577.256.622.076	492.559.636.458
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(434.037.028.439)	(419.976.981.413)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	6.614.948.411	3.807.047.606
228	Nguyên giá		9.744.137.746	6.084.709.246
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.129.189.335)	(2.277.661.640)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***387.200.000***	***3.312.218.184***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	387.200.000	3.312.218.184
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***240.383.703.186***	***29.460.000.000***
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	150.439.000.000	29.460.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15.2	104.000.000.000	-
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	15	(14.055.296.814)	-
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***17.601.073.919***	***13.356.755.945***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	17.601.073.919	13.356.755.945
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**972.539.805.801**	**528.983.575.509**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**506.117.029.795**	**191.944.971.769**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***392.248.811.868***	***191.944.971.769***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	115.476.132.532	98.412.923.791
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		123.914.250	919.565.675
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.540.073.868	4.720.259.765
314	4. Phải trả người lao động		15.968.406.000	26.281.128.914
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	2.043.426.285	2.259.152.146
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		56.970.469	314.725.565
320	7. Vay ngắn hạn	20	244.934.601.877	46.478.226.995
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	9.105.286.587	12.558.988.918
330	***II. Nợ dài hạn***		***113.868.217.927***	***-***
338	1. Vay dài hạn	20	113.868.217.927	-
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**466.422.776.006**	**337.038.603.740**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***21***	***466.422.776.006***	***337.038.603.740***
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		344.400.000.000	65.000.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*344.400.000.000*	*65.000.000.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		75.995.875.129	148.542.871
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.598.936.874	80.598.936.874
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		42.427.964.003	191.291.123.995
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*6.968.368.961*	*134.777.486.412*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*35.459.595.042*	*56.513.637.583*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**972.539.805.801**	**528.983.575.509**

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Anh Tuấn	Đỗ Thị Hương Giang	Bùi Thanh Nam

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**23.1**	**1.204.210.707.063**	**1.085.841.498.294**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**23.1**	**(22.005.129)**	**(85.796.094)**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**23.1**	**1.204.188.701.934**	**1.085.755.702.200**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**24**	**(1.086.517.401.053)**	**(964.375.542.300)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**117.671.300.881**	**121.380.159.900**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**23.2**	**28.172.781.287**	**10.838.364.008**
22	**7. Chi phí tài chính**	**26**	**(30.239.799.214)**	**(936.746.573)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(13.737.051.295)*	*(719.167.432)*
25	**8. Chi phí bán hàng**	**25**	**(34.668.914.118)**	**(42.060.067.603)**
26	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**25**	**(34.186.687.596)**	**(29.253.124.906)**
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**46.748.681.240**	**59.968.584.826**
31	**11. Thu nhập khác**	**27**	**1.567.171.183**	**9.754.862.557**
32	**12. Chi phí khác**	**27**	**(1.329.258.568)**	**(340.901.141)**
40	**13. Lợi nhuận khác**		**237.912.615**	**9.413.961.416**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**46.986.593.855**	**69.382.546.242**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**29.1**	**(11.526.998.813)**	**(12.868.908.659)**
60	**16. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**35.459.595.042**	**56.513.637.583**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI
HPC SINCE 1976
MSDN: 0100100858

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Anh Tuấn	Đỗ Thị Hương Giang	Bùi Thanh Nam

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**46.986.593.855**	**69.382.546.242**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	28	17.928.581.340	35.702.797.444
03	Các khoản dự phòng		14.460.288.890	489.000.000
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(214.070.236)	(499.496.786)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(28.048.585.763)	(10.126.288.081)
06	Chi phí lãi vay	26	13.737.051.295	719.167.432
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**64.849.859.381**	**95.667.726.251**
09	Tăng các khoản phải thu		(34.660.339.149)	(53.129.947.436)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(10.193.234.615)	2.474.230.191
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(18.283.166.276)	40.030.576.446
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(4.178.566.005)	2.197.173.444
14	Tiền lãi vay đã trả		(13.305.307.462)	(670.034.720)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(11.829.225.965)	(10.941.580.716)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.576.457.365)	(17.466.591.362)
20	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh**		**(34.176.437.456)**	**58.161.552.098**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(67.002.154.225)	(11.284.812.751)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		431.000.000	735.561.458
23	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác		(293.803.582.119)	(155.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		190.436.356.165	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(224.979.000.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		13.785.226.009	8.909.712.739
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(381.132.154.170)**	**(156.639.538.554)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhập vốn góp của chủ sở hữu		113.847.332.258	-
33	Tiền thu từ đi vay		593.271.381.488	109.388.633.123
34	Tiền trả nợ gốc vay		(280.946.788.679)	(96.060.406.128)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.793.730.000)	(13.000.460.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**409.378.195.067**	**327.766.995**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(5.930.396.559)**	**(98.150.219.461)**
60	**Tiền đầu năm**		**19.872.892.196**	**118.180.861.975**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(747.394)	(157.750.318)
70	**Tiền cuối năm**	**5**	**13.941.748.243**	**19.872.892.196**

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Anh Tuấn	Đỗ Thị Hương Giang	Bùi Thanh Nam

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Nhựa Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24 tháng 1 năm 1972 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0103027615 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 10 năm 2008. Công ty cũng được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 5 số 0100100858 ngày 16 tháng 9 năm 2019.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại sàn UPCOM từ ngày 8 tháng 9 năm 2017 theo Quyết định số 748/QĐ-SGDHN do Phó Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ký ngày 31 tháng 8 năm 2017. Vào ngày 12 tháng 12 năm 2019, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán NHH theo QĐ số 499/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghệ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 942 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.162 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 3 công ty con (31 tháng 12 năm 2018: 1 công ty con) với thông tin cụ thể như sau :

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Hoạt động chính*
1	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư VIEXIM	100%	100%	Thôn Hảo, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa
2	Công ty TNHH An Trung Industries	100%	100%	KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, P. Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa
3	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Chính xác và Chế tạo Khuôn mẫu Việt Nam	100%	100%	KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, P. Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 15. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, vào ngày 24 tháng 2 năm 2020, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày .

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chứng từ.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc bằng hoặc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

	Năm nay	*Năm trước*
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm	10 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 25 năm	2 - 8 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 15 năm	5 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	8 - 10 năm	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	8 năm	3 năm

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty điều chỉnh khung khấu hao đối với các tài sản cố định chưa khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và một số tài sản cố định mua mới trong năm.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Chi phí thuê đất;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- Các chi phí khác.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 *Thông tin theo bộ phận*

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm về nhựa. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.17 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. NGHIỆP VỤ MUA VÀ THÀNH LẬP CÔNG TY MỚI TRONG NĂM

4.1 *Thành lập Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí chính xác và Chế tạo Khuôn mẫu Việt Nam ("Công ty Khuôn Việt Nam")*

Vào ngày 17 tháng 1 năm 2019, Công ty đã thành lập Công ty Khuôn Việt Nam với tỷ lệ sở hữu 100%, và vốn điều lệ là 30,969 tỷ VND. Công ty đã thực hiện góp đủ số vốn điều lệ vào công ty con này.

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Khuôn Việt Nam là gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

4.2 *Mua Công ty Cổ phần An Trung Industries, tên hiện nay là Công ty TNHH An Trung Industries ("Công ty An Trung")*

Vào ngày 5 tháng 4 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc mua 8.000.000 cổ phần phát hành riêng lẻ của Công ty An Trung, tương đương với 88,89% tổng số cổ phần của công ty này với tổng giá phí là 80 tỷ VND. Theo đó, Công ty An Trung trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Vào ngày 4 tháng 9 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc mua số cổ phần còn lại từ các cổ đông khác của Công ty An Trung, với tổng giá phí là 10 tỷ 10 triệu VND.

Công ty An Trung trước đây là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801246654 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 3 năm 2018. Công ty An Trung cũng nhận được các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 5 ngày 24 tháng 9 năm 2019 và chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Công ty An Trung có trụ sở chính tại KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, P. Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty An Trung là sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	68.048.000	102.013.800
Tiền gửi ngân hàng	6.323.700.243	19.770.878.396
Các khoản tương đương tiền	7.550.000.000	-
TỔNG CỘNG	**13.941.748.243**	**19.872.892.196**

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 5,5%/năm và có kỳ hạn 2 tháng.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,5% đến 7,6%/năm và có kỳ hạn sáu tháng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ khách hàng	154.346.829.662	132.049.966.319
- Công ty TNHH Honda Việt Nam	75.584.933.350	66.242.912.905
- Công ty TNHH Piaggio Việt Nam	20.887.574.982	7.777.300.774
- Công ty TNHH Toyota Boshoku Hà Nội	17.667.584.924	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	5.513.463.376	20.057.318.055
- Các khoản phải thu khách hàng khác	34.693.273.030	37.972.434.585
Phải thu từ các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	25.362.079.567	14.860.694.167
TỔNG CỘNG	**179.708.909.229**	**146.910.660.486**

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho người bán		
- Công ty TNHH liên doanh sản xuất khuôn nhựa độ bền cao HZM	2.518.845.600	-
- Công ty TNHH Aki Moulding Việt Nam	1.628.818.400	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị và Công Nghệ	64.872.500	1.339.800.000
- Công ty Carl Zeiss Pte Ltd	-	2.561.013.000
- Các khoản trả trước khác	1.463.923.760	1.924.593.983
Trả trước cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	2.100.124.400	-
TỔNG CỘNG	**7.776.584.660**	**5.825.406.983**

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xây lắp ANI (i)	61.863.643.835	-	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần An Trung Industries (ii)	19.940.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu VN (iii)	3.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	-	-	35.000.000.000	-
Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty Cổ phần An Trung Industries (iv)	127.063.582.119	-	-	-
TỔNG CỘNG	**211.867.225.954**	**-**	**135.000.000.000**	**-**
Trong đó:				
Phải thu về cho vay bên khác	*61.863.643.835*	-	*100.000.000.000*	-
Phải thu về cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*150.003.582.119*	-	*35.000.000.000*	-

(i) Đây là khoản phải thu từ cho vay ngắn hạn, đáo hạn cuối cùng vào ngày 23 tháng 7 năm 2020, không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất 7%/năm.

(ii) Đây là khoản phải thu từ cho vay ngắn hạn, đáo hạn cuối cùng vào ngày 20 tháng 11 năm 2020, không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất 7,5%/năm.

Trong đó bao gồm khoản phải thu trả nợ gốc từ hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận cố định hằng năm với số tiền 16,94 tỷ đồng phải trả vào năm 2020 như ở mục (iv).

(iii) Đây là các khoản phải thu từ cho vay ngắn hạn, đáo hạn cuối cùng vào ngày 30 tháng 11 năm 2020, không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất 7%/năm.

(iv) Đây là khoản cho vay dưới dạng hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận cố định hàng năm. Tiền gốc vay được thanh toán hàng năm từ 2020 đến 2034. Việc chi trả lãi vay được thực hiện hàng năm cho đến hết thời hạn của dự án.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	15.154.682.474	-	1.216.575.342	-
Phải thu khác	185.459.897	-	640.628.420	-
TỔNG CỘNG	**15.340.142.371**	**-**	**1.857.203.762**	**-**
Trong đó:				
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	10.835.756.302	-	-	-

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Hàng đang đi trên đường	3.966.394.144	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	35.438.186.726	-	38.886.308.078	-
Công cụ, dụng cụ	1.430.830.949	-	159.711.155	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.823.590.602	-	11.973.839.118	-
Thành phẩm	12.099.092.044	(893.992.076)	20.545.001.499	(489.000.000)
TỔNG CỘNG	**81.758.094.465**	**(893.992.076)**	**71.564.859.850**	**(489.000.000)**

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính:VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị (*)*	*Phương tiện vận tải*	*Trang thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Số đầu năm	68.668.101.657	397.167.992.603	22.159.750.556	4.563.791.642	492.559.636.458
- Mua trong năm	-	80.460.640.341	7.103.147.274	255.952.000	87.819.739.615
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.122.753.997)	-	-	(3.122.753.997)
Số cuối năm	68.668.101.657	474.505.878.947	29.262.897.830	4.819.743.642	577.256.622.076
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*52.095.164.224*	*273.384.765.102*	*15.767.999.293*	*1.569.422.642*	*342.817.351.261*
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	61.970.519.488	334.857.237.269	19.682.616.187	3.466.608.469	419.976.981.413
- Khấu hao trong năm (**)	809.811.087	14.792.976.821	1.161.239.757	313.025.980	17.077.053.645
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.017.006.619)	-	-	(3.017.006.619)
Số cuối năm	62.780.330.575	346.633.207.471	20.843.855.944	3.779.634.449	434.037.028.439
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	6.697.582.169	62.310.755.334	2.477.134.369	1.097.183.173	72.582.655.045
Số cuối năm	5.887.771.082	127.872.671.476	8.419.041.886	1.040.109.193	143.219.593.637

(*) Một số tài sản cố định hữu hình là máy móc, thiết bị đã được sử dụng để thế chấp cho khoản các vay ngân hàng của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường, Công ty TNHH An Trung Industries, Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí chính xác và Chế tạo Khuôn mẫu Việt Nam . Ngoài ra, một số máy móc, thiết bị khác cũng được sử dụng để thế chấp cho khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 20.

(**) Như trình bày tại Thuyết minh số 3.7, Công ty đã thay đổi khung khấu hao đối với các tài sản cố định hữu hình. Nếu giữ nguyên khung khấu hao đối với các tài sản cố định hữu hình này như năm trước, chi phí khấu hao cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ tăng thêm 12,7 tỷ VND.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá:	
Số đầu năm	6.084.709.246
- Mua trong năm	3.659.428.500
Số cuối năm	9.744.137.746
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	*2.017.059.046*
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	2.277.661.640
- Hao mòn trong năm	851.527.695
Số cuối năm	3.129.189.335
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	3.807.047.606
Số cuối năm	6.614.948.411

Như trình bày tại Thuyết minh số 3.7, Công ty đã thay đổi khung khấu hao đối với các tài sản cố định vô hình. Nếu giữ nguyên khung khấu hao đối với các tài sản cố định vô hình này như năm trước, chi phí hao mòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ tăng thêm 847 triệu VND.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phần mềm kế toán	387.200.000	290.400.000
Phương tiện vận tải chờ đăng kiểm	-	3.021.818.184
TỔNG CỘNG	**387.200.000**	**3.312.218.184**

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm	296.010.952	537.034.228
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	557.247.241	381.975.934
TỔNG CỘNG	**853.258.193**	**919.010.162**
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	8.821.517.620	5.331.581.662
Chi phí thuê đất	7.744.965.683	8.025.174.283
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.034.590.616	-
TỔNG CỘNG	**17.601.073.919**	**13.356.755.945**

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
***Đầu tư vào công ty con** (Thuyết minh số 15.1)*						
Công ty TNHH An Trung industries	90.010.000.000	(7.541.261.183)	82.468.738.817	-	-	-
Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu & Đầu tư VIEXIM	29.460.000.000	-	29.460.000.000	29.460.000.000	-	29.460.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Chính xác và Chế tạo Khuôn mẫu Việt Nam	30.969.000.000	-	30.969.000.000	-	-	-
***Đầu tư vào công ty liên doanh. liên kết** (thuyết minh số 15.2)*						
Công ty TNHH Linh kiện nhựa Ô tô Vinfast - An Phát	104.000.000.000	(6.514.035.631)	97.485.964.369	-	-	-
TỔNG CỘNG	**254.439.000.000**	**(14.055.296.814)**	**240.383.703.186**	**29.460.000.000**	**-**	**29.460.000.000**

15.1 *Đầu tư vào công ty con*

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019		*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*	
Tên đơn vị	*Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*
Công ty Cổ phần An Trung industries	100%	100%	-	-
Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu & Đầu tư VIEXIM	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	100%	100%	-	-

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào công ty liên doanh

Công ty nắm giữ 50% tài sản, công nợ, doanh thu và chi phí của Công ty TNHH Linh kiện nhựa Ô tô Vinfast – An Phát.

Công ty TNHH Linh kiện Nhựa Ô tô Vinfast - An Phát được thành lập theo hợp đồng hợp tác liên doanh ký ngày 2 tháng 11 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings, công ty mẹ hiện tại của Công ty và Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Vinfast.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty TNHH Linh kiện Nhựa Ô tô Vinfast – An Phát là sản xuất các sản phẩm linh kiện bằng nhựa cho ô tô, xe máy và cho các sản phẩm khác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của công ty này từ Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings theo Hợp đồng đặt cọc kiêm chuyển nhượng phần vốn góp số 2506/2019/HPC-APH. Tổng vốn điều lệ của liên doanh này là 208 tỷ VND, trong đó giá trị phần vốn góp của Công ty là 104 tỷ VND đã được góp đủ bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings và sau đó chuyển nhượng cho Công ty.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả cho người bán	87.908.021.881	87.908.021.881	82.707.620.136	82.707.620.136
- Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	10.513.825.135	10.513.825.135	16.674.291.920	16.674.291.920
- The Japan Steel Works (Singapore) Pte. Ltd.	23.523.797.520	23.523.797.520	-	-
- Phải trả người bán khác	53.870.399.226	53.870.399.226	66.033.328.216	66.033.328.216
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	27.568.110.651	27.568.110.651	15.705.303.655	15.705.303.655
TỔNG CỘNG	**115.476.132.532**	**115.476.132.532**	**98.412.923.791**	**98.412.923.791**

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã nộp trong năm*	*Số cuối năm*
Thuế giá trị gia tăng	-	27.837.217.557	(27.837.217.557)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.720.259.765	11.526.998.813	(11.829.225.965)	4.418.032.613
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.152.494.711	(3.030.453.456)	122.041.255
Thuế xuất, nhập khẩu	-	865.313.338	(865.313.338)	-
Thuế khác	-	29.320.494	(29.320.494)	-
TỔNG CỘNG	**4.720.259.765**	**43.411.344.913**	**(43.591.530.810)**	**4.540.073.868**

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí tiền điện	1.406.570.800	1.633.661.265
Chi phí lãi vay	431.743.833	-
Chi phí bảo hiểm	-	537.034.228
Chi phí phải trả khác	205.111.652	88.456.653
TỔNG CỘNG	**2.043.426.285**	**2.259.152.146**

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	12.558.988.918	28.978.004.678
Trích lập trong năm	3.122.755.034	500.000.000
Sử dụng trong năm	(6.576.457.365)	(16.919.015.760)
Số cuối năm	**9.105.286.587**	**12.558.988.918**

20. VAY

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		*Số phát sinh trong năm*		*Số cuối năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	46.478.226.995	46.478.226.995	831.725.347.906	(671.729.779.004)	206.473.795.897	206.473.795.897
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	38.460.805.980	-	38.460.805.980	38.460.805.980
TỔNG CỘNG	**46.478.226.995**	**46.478.226.995**	**870.186.153.886**	**(671.729.779.004)**	**244.934.601.877**	**244.934.601.877**
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng	-	-	153.844.023.907	(39.975.805.980)	113.868.217.927	113.868.217.927
TỔNG CỘNG	**-**	**-**	**153.844.023.907**	**(39.975.805.980)**	**113.868.217.927**	**113.868.217.927**

20.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Hà Nội	18.585.577.597	Kỳ hạn vay 4 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 25 tháng 4 năm 2020	5,5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1	43.880.183.483	Kỳ hạn vay 3 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 25 tháng 1 năm 2020	5,5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội	76.288.830.099	Kỳ hạn vay 4 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 3 năm 2020	Thả nổi (5,91%-5,92%/năm)	Tín chấp
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - CN Hà Nội	67.719.204.718	Kỳ hạn vay 88 ngày, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước đáo hạn ngày 24 tháng 3 năm 2020	Lãi suất huy động vốn + 1,5%/năm	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**206.473.795.897**			

20. VAY (tiếp theo)

20.2 *Vay dài hạn từ ngân hàng*

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
	(VND)			
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Hà Nội	22.725.800.000	Kỳ hạn vay 48 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước đáo hạn ngày 8 tháng 8 năm 2023	9,6%	Các tài sản thế chấp được bàn giao theo biên bản bàn giao ngày 1 tháng 12 năm 2019 với tổng nguyên giá là 205.700 USD và 38,7 tỷ VND.
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	129.603.223.907	Kỳ hạn vay 48 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước đáo hạn ngày 10 tháng 9 năm 2023	9,4%	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của 2 block tại Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát; và tài sản là máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay này.
TỔNG CỘNG	**152.329.023.907**			
Trong đó:				
- *Vay dài hạn đến hạn trả*	*38.460.805.980*			
- *Vay dài hạn*	*113.868.217.927*			

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước					
Số đầu năm	65.000.000.000	148.542.871	80.598.936.874	148.825.062.014	294.572.541.759
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	56.513.637.583	56.513.637.583
- Chia cổ tức	-	-	-	(13.000.000.000)	(13.000.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	(547.575.602)	(547.575.602)
Số cuối năm	65.000.000.000	148.542.871	80.598.936.874	191.291.123.995	337.038.603.740
Năm nay					
Số đầu năm	65.000.000.000	148.542.871	80.598.936.874	191.291.123.995	337.038.603.740
- Tăng vốn (*)	279.400.000.000	75.847.332.258	(77.000.000.000)	(164.400.000.000)	113.847.332.258
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	35.459.595.042	35.459.595.042
- Chia cổ tức (**)	-	-	-	(16.800.000.000)	(16.800.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)				(3.122.755.034)	(3.122.755.034)
Số cuối năm	344.400.000.000	75.995.875.129	3.598.936.874	42.427.964.003	466.422.776.006

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)*

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện tăng vốn theo các Nghị quyết sau:

- Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 42/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2019/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 1 năm 2019, Công ty đã phát hành thêm 10.300.000 cổ phiếu (trong đó 6.500.000 cổ phiếu được phát hành để trả cổ tức từ quỹ đầu tư phát triển và 3.800.000 cổ phiếu được phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu với mức giá 30.000 VND/1 cổ phiếu).

- Theo nội dung phê duyệt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 30/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 458/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 9 tháng 7 năm 2019, Công ty đã thông qua điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu thông qua chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty (ESOP). Theo đó, toàn bộ 840.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu phát hành thưởng cho hai Giám đốc và phát hành 16.800.000 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận chưa phân phối và Quỹ đầu tư phát triển với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

Theo đó, vốn cổ phần của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 344,4 tỷ VND và Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 ngày 16 tháng 9 năm 2019.

(**) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 29/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 458/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 9 tháng 7 năm 2019, Công ty đã điều chỉnh phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 cụ thể là điều chỉnh giảm trích quỹ khen thưởng phúc lợi, không trích lập quỹ đầu tư phát triển.

21.2 *Cổ tức*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Cổ tức đã công bố trong năm		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức cho năm 2017	-	13.000.000.000
Cổ tức cho năm 2018	16.800.000.000	-

21.3 *Cổ phiếu*

	Số lượng	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đã được duyệt	**34.440.000**	**6.500.000**
Cổ phiếu đã phát hành	**34.440.000**	**6.500.000**
Cổ phiếu phổ thông	34.440.000	6.500.000
Cổ phiếu đang lưu hành	**34.440.000**	**6.500.000**
Cổ phiếu phổ thông	34.440.000	6.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch tại sàn HOSE theo mã chứng khoán là NHH.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	129.721	130.553

Tại ngày báo cáo, Công ty đã giữ hộ khách hàng một số lượng khuôn nhằm sản xuất sản phẩm nhựa. Do hàng hóa giữ hộ thuộc nhiều chủng loại khác nhau, nên Công ty không thuyết minh chi tiết số lượng và giá trị của các hàng hóa giữ hộ này.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**1.204.210.707.063**	**1.085.841.498.294**
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	*1.005.837.730.748*	*975.820.239.644*
Doanh thu bán hàng hóa	*191.144.387.152*	*108.612.342.558*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*7.228.589.163*	*1.408.916.092*
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	*(22.005.129)*	*(85.796.094)*
Doanh thu thuần	**1.204.188.701.934**	**1.085.755.702.200**
Trong đó:		
Doanh thu thuần từ bán thành phẩm	*1.005.815.725.619*	*975.734.443.550*
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa	*191.144.387.152*	*108.612.342.558*
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	*7.228.589.163*	*1.408.916.092*
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*1.000.159.319.818*	*1.029.114.090.042*
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*204.029.382.116*	*56.641.612.158*

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi trái phiếu, lãi tiền gửi, lãi cho vay	22.616.074.428	4.146.152.767
Lãi chênh lệch tỷ giá	449.448.146	712.075.927
Lợi nhuận được chia	5.107.258.713	5.980.135.314
TỔNG CỘNG	**28.172.781.287**	**10.838.364.008**

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn của thành phẩm và dịch vụ đã bán	897.033.378.446	861.727.227.940
Giá vốn của hàng hóa đã bán	189.484.022.607	102.648.314.360
TỔNG CỘNG	**1.086.517.401.053**	**964.375.542.300**

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.697.510.120	27.558.823.425
Chi phí nhân công	4.404.643.891	13.723.269.406
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	462.324.564	695.532.229
Chi phí khác	104.435.543	82.442.543
TỔNG CỘNG	**34.668.914.118**	**42.060.067.603**
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	25.738.144.467	22.760.879.069
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.494.352.490	3.012.770.404
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.965.592.294	1.852.753.201
Chi phí khấu hao tài sản cố định	875.818.781	724.828.205
Chi phí khác	1.112.779.564	901.894.027
TỔNG CỘNG	**34.186.687.596**	**29.253.124.906**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền vay	13.737.051.295	719.167.432
Lỗ chênh lệch tỷ giá	167.451.105	212.579.141
Dự phòng tổn thất đầu tư	14.055.296.814	-
Phí cam kết rút vốn khoản vay ngân hàng	2.280.000.000	-
Chi phí tài chính khác	-	5.000.000
TỔNG CỘNG	**30.239.799.214**	**936.746.573**

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**1.567.171.183**	**9.754.862.557**
Tiền phạt thu được	926.658.012	8.327.610.699
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	325.252.622	735.561.458
Thanh lý vật tư, phụ tùng	114.876.564	124.999.600
Khác	200.383.985	566.690.800
Chi phí khác	**1.329.258.568**	**340.901.141**
Các khoản phạt	998.164.920	128.010.400
Khác	331.093.648	212.890.741
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	**237.912.615**	**9.413.961.416**

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	833.832.062.182	683.101.077.525
Chi phí nhân công	152.011.240.498	180.787.833.732
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.928.581.340	35.702.797.444
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.128.253.374	134.059.900.622
Chi phí khác	10.876.707.402	1.027.203.687
TỔNG CỘNG	**1.163.776.844.796**	**1.034.678.813.010**

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.986.593.855	69.382.546.242
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	9.397.318.771	*13.876.509.248*
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Chi phí không được khấu trừ	3.151.131.785	207.846.632
Các khoản điều chỉnh giảm:		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.021.451.743)	(1.196.027.063)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay của các khoản mục tài sản	-	(19.420.158)
Chi phí thuế TNDN	**11.526.998.813**	**12.868.908.659**

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ (từ ngày 8 tháng 11 năm 2019)	Chi tiền cho vay	16.300.000.000	35.000.000.000
		Nhận lại tiền trả gốc vay	51.300.000.000	-
		Đặt cọc mua cổ phần	104.000.000.000	-
		Chuyển nhượng vốn cổ phần	104.000.000.000	-
		Nhận lãi cho vay	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư VIEXIM	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	121.558.725.967	56.641.612.158
		Mua hàng hóa, dịch vụ	219.985.206.481	119.703.512.955
		Thuê nhà xưởng	3.918.000.000	2.742.600.000
Công ty Cổ phần An Trung Industries	Công ty con (từ ngày 5 tháng 4 năm 2019)	Góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh	147.003.582.119	-
		Mua nguyên vật liệu	213.062.707	-
		Bán hàng	243.537.501	-
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Chính xác và Chế tạo Khuôn mẫu Việt Nam	Công ty con	Góp vốn	30.969.000.000	-
		Chi tiền cho vay	3.000.000.000	-
		Bán hàng hóa, dịch vụ	194.411.490	-
Công ty Cổ phần An Tiến industries	Công ty trong cùng Tập đoàn An Phát	Thanh lý máy móc	106.000.000	-
		Mua nguyên vật liệu	830.832.000	-
Công ty cổ phần liên vận An Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn An Phát	Cước vận tải	20.037.642.396	-
Công ty Cổ Phần An Thành Bicsol	Công ty trong cùng Tập đoàn An Phát	Mua NVL, vật tư	74.291.676.610	-
		Bán hàng hóa	65.614.734.683	-
Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast – An Phát	Công ty liên doanh, liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.417.972.475	-

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay, đặt cọc và đi vay chịu lãi, số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng *(Thuyết minh số 7.1)*				
Công ty TNHH Phát triển XNK và Đầu tư VIEXIM	Công ty con	Bán hàng hóa	17.175.868.053	14.860.694.167
Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast – An Phát	Công ty liên doanh, liên kết	Bán hàng hóa	6.445.667.224	-
Công ty Cổ phần An Trung Industries	Công ty con (từ ngày 5 tháng 4 năm 2019)	Bán hàng hóa	1.526.691.651	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	213.852.639	-
TỔNG CỘNG			**25.362.079.567**	**14.860.694.167**
Trả trước cho người bán *(Thuyết minh số 7.2)*				
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	Công ty con	Tạm ứng mua hàng	1.742.400.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	Công ty liên kết của công ty mẹ	Tạm ứng mua phần mềm	357.724.400	-
			2.100.124.400	**-**
Phải thu ngắn hạn khác *(Thuyết minh số 9)*				
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ (từ ngày 8 tháng 11 năm 2019)	Lãi phải thu từ cho vay	4.528.452.055	-
Công ty Cổ phần An Trung Industries	Công ty con (từ ngày 5 tháng 4 năm 2019)	Lãi phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	6.304.504.247	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	Công ty con	Lãi phải thu từ cho vay	2.800.000	-
			10.835.756.302	**-**

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Phải thu về cho vay ngắn hạn** (Thuyết minh số 8)*				
Công ty Cổ phần An Trung Industries	Công ty con (từ ngày 5 tháng 4 năm 2019)	Phải thu về cho vay ngắn hạn	19.940.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	Công ty con	Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ (từ ngày 8 tháng 11 năm 2019)	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	35.000.000.000
TỔNG CỘNG			**22.940.000.000**	**35.000.000.000**
***Phải thu về cho vay dài hạn** (Thuyết minh số 8)*				
Công ty Cổ phần An Trung Industries	Công ty con (từ ngày 5 tháng 4 năm 2019)	Phải thu về cho vay dài hạn	127.063.582.119	-
TỔNG CỘNG			**127.063.582.119**	**-**
***Phải trả người bán ngắn hạn** (Thuyết minh số 16)*				
Công ty TNHH Phát triển XNK và Đầu tư VIEXIM	Công ty con	Phải trả về mua hàng hóa	25.963.455.342	15.705.303.655
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	Công ty con	Phải trả về mua NVL	617.511.787	-
Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast - An Phát	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả về mua NVL	222.672.472	-
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	Công ty cùng Tập đoàn An Phát	Phải trả cước vận tải	764.471.050	-
TỔNG CỘNG			**27.568.110.651**	**15.705.303.655**

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lương và thưởng	2.905.688.900	4.304.666.189
TỔNG CỘNG	**2.905.688.900**	**4.304.666.189**

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất, nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	3.918.000.000	4.198.208.600
Từ 1 - 5 năm	-	1.120.834.400
Trên 5 năm	-	6.063.714.104
TỔNG CỘNG	**3.918.000.000**	**11.382.757.104**

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	7.376.000.000	2.709.960.000
TỔNG CỘNG	**7.376.000.000**	**2.709.960.000**

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đỗ Anh Tuấn	Đỗ Thị Hương Giang	Bùi Thanh Nam

Ngày 5 tháng 3 năm 2020